

Chùa Keo...cần định vị đúng lịch sử, vị trí và vai trò!

ISSN: 2734-9195 15:41 22/10/2026

Tôi viết bài này chỉ để mong hiểu đúng về lai lịch cổ tích danh lam, không để lịch sử trôi qua những trang sách hoặc ở trên FB mà dẫn đến những nhận định xa rời sự thực lịch sử vốn đã rất rõ ràng.

Sinh ra ở gần chùa Keo (1), từ hồi còn bé tí xíu đã thường được nghe cha ông và các bậc trưởng thượng kể cho nghe về chùa Keo, về Thánh Khổng Minh Không, những giai thoại ly kỳ siêu phàm về Thánh Tổ. Lớn lên chút, nô nức, háo hức đi xem rước, xem bơi chải dịp Hội Chùa Keo Rằm tháng 9. Lớn thêm chút nữa, khi đã biết tìm hiểu, hỏi han về lai lịch, giá trị lịch sử, tôn giáo của di tích thì được biết rằng: Chùa Keo (Thần Quang Tự) vốn ban đầu được xây dựng từ thời Lý ở Trang Hành Cung, Hương Giao Thủy mãi trên thượng nguồn sông Hồng, thuộc địa phận huyện Nam Trực ngày nay.

Chùa Keo chỉ là tên Nôm, còn “tự danh” = “tên chữ” của chùa thì là Thần Quang tự. Tiền “tự danh” của chùa là Nghiêm Quang tự. Chùa Nghiêm Quang (嚴光) được đổi tên thành chùa Thần Quang (神光) từ thế kỷ 12 dưới thời nhà Lý, cùng với việc nhà Vua Lý cho đổi tên chùa Diên Phúc (延福) thành chùa “Viên Quang” (圓光). Đến năm Hoằng Định thứ 12 - 1611 - Tân Hợi, dưới triều vua Lê Kính Tông, một trận đại hồng thủy đã làm lở làng, tan xã, chùa trôi, dân Hành Cung Trang dạt về cư trú ở hai thôn Dũng Nhuệ (勇銳) và Hành Cung (行宮) (2), xây dựng lại ở hai nơi đó 2 ngôi “hậu thân” của Thần Quang tự, hình thành nên chùa Keo Hành Thiện và Chùa Keo Dũng Nhuệ (3) vẫn còn đến bây giờ.

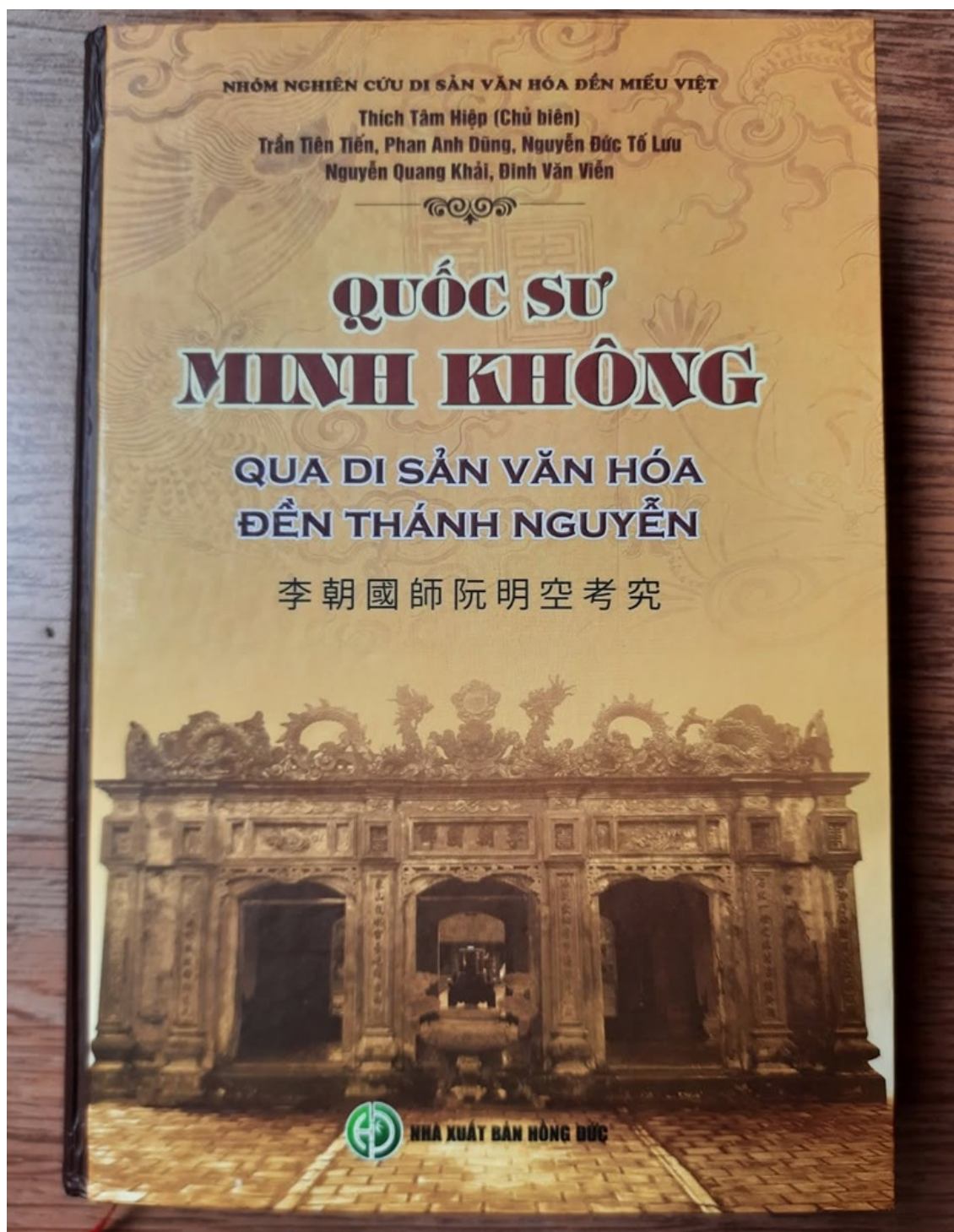
Hiểu biết của mình cứ “mặc định”, “đóng đinh” như vậy, coi như những điều hiển nhiên.



Giao lưu mạng xã hội, biết tôi cũng có đôi chút hiểu biết và quan tâm đến các cổ tích, danh lam quê nhà, thầy giáo trẻ trường quê Phan Văn Chính có chia sẻ cho tôi được đọc một số khảo cứu, nhận định, kết luận và “phát minh” của một số nhà nghiên cứu thông qua tài khoản facebook cá nhân của họ.

Tôi lưu ý khi đọc thấy có những kết luận về vị trí tiền thân của chùa Thần Quang (Keo) vào thời Lý khác với những “mặc định” trên (phần 1.). Xin được trích dẫn bài viết ngày 26 tháng 6 năm 2019 từ Fb “Đạo Hiệu Tâm Hợp - 道号心合 - Đạo Hiệu Tâm Hiệp”: *“Chùa Quýt bây giờ trên đất Tân Long ngày nay chính là Chùa Nghiêm Quang được Thánh Tổ Không lộ xây dựng từ thời Lý”* và: *“Hành Cung Trang nhà Trần chính ở vào vùng ngã 3 Ngặt Kéo bây giờ, sâu đến Đền Lãng và chùa Quýt bây giờ. Quán Các, bây giờ địa danh vẫn còn với đền thờ Nam Hải Đại Vương chính là Không Lộ”*.

(Đường link bài viết kèm theo: <https://www.facebook.com/thichtamhiep/posts/768447320237437>), kết luận tưởng chừng rõ ràng nhưng lại không dựa trên một tư liệu lịch sử hay khảo cổ học nào được chứng dẫn cả (4).



Gần đây, đọc sách “Quốc Sư Minh Không - Qua di sản Đền Thánh Nguyễn” (ảnh bìa sách kèm theo) của nhóm các nhà nghiên cứu (Thích Tâm Hiệp, Trần Tiên Tiến, Phan Anh Dũng, Nguyễn Đức Tố Lưu, Nguyễn Quang Khải, Đinh Văn Viễn), do Thích Tâm Hiệp (có thể chính là chủ nhân tài khoản FB “Đạo Hiệu Tâm Hợp - 道号心合 - Đạo Hiệu Tâm Hiệp” kể trên) chủ biên, ở các trang có những đoạn nói về lai lịch của chùa Keo, xin được trích dẫn: - Ở trang 57, 58:

“...Còn về *Giao Thủy*, mà nay chính là *Trực Tuấn*, *Trực Đông* có các chùa như chùa *Quýt*, chùa *Lương Hàn*... đều thờ *Không Lộ* và *Giác Hải*”.

“Ở vùng đất Nam Định nơi các di tích thờ Không Lộ và Giác Hải đều truyền tụng câu: “Sinh Đàm Xá hoá Hành Cung”, và tất cả đều cho rằng Thánh Không Lộ - Giác Hải) có quê cha ở Đàm Xá. Hành Cung chính là đất Hành Cung Hải Thanh thời Lý và Hành Cung Trang nhà Trần trên đất Giao Thủy Hải Thanh xưa mà bây giờ là vùng đất quanh vùng có ngôi chùa Quýt thuộc Trung Đông (xưa thuộc Trực Tuấn), Trực Ninh, Nam Định.

Giao Thủy nói đủ là Giao Thủy Hải Thanh, chính là nơi có Hành Cung Hải Thanh thời nhà Lý. Theo ĐVSKTT thì Lý Nhân Tông 9 lần về Hành Cung vùng này. Hành Cung nhà Lý, đến đời Trần chuyển thành tên gọi Hành Cung Trang, nằm bên sông Quýt. Nơi đây dân chúng có các vườn quýt (quất) ngon ngọt đã trở thành đặc sản ưa thích của các vua Trần. Sau năm 1611 dân nơi đây dời đi nơi khác lập làng Hành Cung mới. Tên làng Hành Cung và địa danh Giao Thủy dịch chuyển để sau này trở thành làng Hành Thiện bây giờ. Hành Thiện bây giờ chính là Hành Cung thuở mới dời đi sau cơn lũ (1611), cũng từng có tên Giao Thủy. Hải Thanh Sau đổi thành Thiên Thanh. Và từ Thiên Thanh đổi thành Thiên Trường rồi đến Xuân Trường. Hành Thiện (Hành Cung xưa) bây giờ nơi có chùa Keo nổi tiếng, thuộc xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, Nam Định”.



Chùa Nghiêm Quang xưa nơi Thánh Không Lộ xây dựng ngôi chùa đầu tiên của đời mình. Trải qua nhiều biến cố thăng trầm ngôi chùa được tôn tạo trên đất cũ Vua ban trên Cánh đồng Ròng thuộc tổng Yên Lãng xưa, nay thuộc thôn Tân Long, xã Trung Đông, Trực Ninh, Nam Định

Cách diễn giải vòng vo, nhưng có thể hiểu rằng:

+ Vùng đất có địa danh là Hành Cung Hải Thanh (dưới thời Lý), Hành Cung Trang (dưới thời Trần) và cho đến đầu thế kỷ 21 này chính là vùng đất quanh chỗ có chùa Quýt, chùa Lương Hàn thuộc xã Trung Đông (có giai đoạn thuộc xã Trục Tuấn), huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

+ Chùa Thần Quang (ban đầu tên Nghiêm Quang) do Thánh Tổ Không Lộ xây dựng thời Lý chính là ở cái vùng đất Trung Đông - Trục Tuấn bây giờ, và nó chính là, và chính ở cái vị trí chùa Quýt mới được phục dựng (xem trên bản đồ số X1 và các ảnh chùa Quýt kèm theo) (5).

Xem chi tiết về việc “phát kiến” chùa Nghiêm Quang xưa chính là chùa Quýt hiện nay thuộc thôn Tân Long, Trung Đông, Trục Ninh, Nam Định theo địa chỉ : <https://espc.com.vn/su-hoi-sinh-cua-mot-ngoi-chua-co-chua-quyt-nd77919.html>

Về tọa độ, vị trí, địa danh xây dựng chùa Viên Quang (trước là Diên Phúc) thời nhà Lý mà nay, sau 2 lần “thiên di”, chùa đang tọa lạc tại Nghĩa Xá - Xuân Ninh - Xuân Trường - Nam Định, tôi đã có khảo cứu và viết trong bài “Chùa Viên Quang - Thiên di ký” (6). Với tất cả các căn cứ về văn bia, bản đồ, ruộng đất, bia tháp mộ, khoa cúng, cũng như gia phả của họ tộc dân cư sống, dời cùng với chùa Viên Quang, tôi đã khẳng định được rằng: Chùa Viên Quang ban đầu thời nhà Lý được xây dựng ở Vạn Giao Thủy thuộc Hương Giao Thủy (vùng đất ở phía đông Cống Khâm, Từ Quán thuộc xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực ngày nay. Đến khoảng cuối thế kỷ 16, đầu thế kỷ 17, lụt lội, bãi sông Vạn Giao Thủy lở xuống sông Hồng, bồi vật sang đối ngạn (nay thuộc huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình), dân làng đã chuyển chùa Viên Quang vào dựng ở cánh đồng Bát Dương thuộc Xã Từ Quán (Thôn Từ Quán, xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định bây giờ). Rồi đến giữa thế kỷ 19, năm 1866 thời Vua Tự Đức, lụt lội liên miên, bãi đất Bát Dương lở tiếp, có nguy cơ lở sạt cả chùa Viên Quang xuống sông Hồng, dân làng lại xin chuyển chùa xuống xây dựng ở xã Nghĩa Xá (nay là Xuân Ninh - Xuân Trường - Nam Định) và chùa tồn tại liên tục đến ngày nay. (Xem thêm các bản đồ trở các vùng đất lân cận chùa Viên Quang - Bát Dương trên các bản đồ số 01 kèm theo).



Đọc mục 4 này, chắc sẽ có người hỏi: đầu bài đề là viết về chùa Keo - Thần Quang, sao lại đi viết cả một mục về chùa Viên Quang - Diên Phúc thế này. Nguyên do là vì Chùa Diên Phúc - Viên Quang và Chùa Nghiêm Quang - Thần Quang thời nhà Lý vốn được xây dựng trên cùng một hương Giao Thủy.

Đọc các tấm bia ở chùa Viên Quang và chùa Keo ta thấy rõ điều đó.

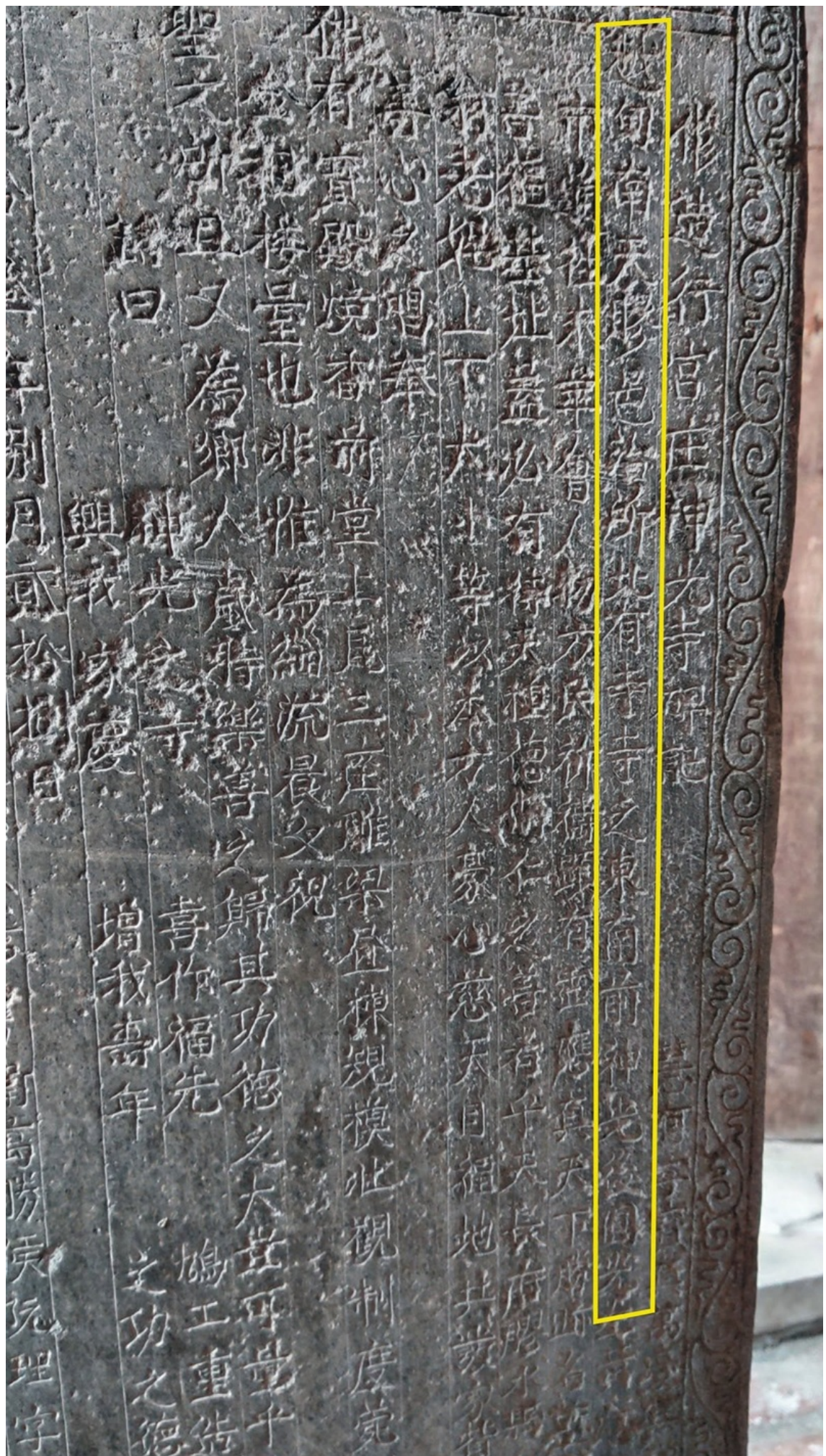
Bia Đồng Khánh hiện lưu giữ ở hồ trước chùa Viên Quang viết rõ: “Chùa Viên Quang, được xây dựng vào thời Lý. Truyền rằng, nguyên chùa dựng ở Làng chài Giao Thủy, gồm 36 tòa, mấy trăm gian, sau mấy trăm năm chùa được di chuyển

vào xứ Bát Dương”.

Tấm bia 1671, 1705 ở chùa Keo Hành Thiện, phần minh văn, viết: “Khí phán huyền hoàng, Hình phân thiên địa, Bắc nhạc linh chung, Nam bang tú tuy, Lý mỹ Hành Cung, Ấp xưng Giao Thủy, Tự hiệu Thần Quang, Thôn vi Tạo Lệ, Thế ái tiên phan, Hình khoa mỹ lệ, Tích phát Thánh Sư, Uyên thông đạo thể, Trạch bị lê dân, Y lương Lý thị, Hiến ứng hữu dư, Tôn phụng bất thế, Sương lịch năng thời, Triều trướng phúc chỉ, Sáng tạo loại nhưng, Kinh doanh tương kế, Như thi cứu tư, Nhược Thần thúc nhĩ, Điện các lưu chu, Đường lang tưng thúy, Liễu nhiều tử hồi, Nghi môn nghiêm thúy, Bảo tượng quang huy, Liễu xuân tề mỹ, Nhâm Ngọ niên phùng, Mạnh Xuân nguyệt trị, Ta hảo lương thần, Duật hưng đào trị, Kim sắc đậm hình, Ngân chi ấn thể, Kiểu oánh phong tư, Khiết thanh thần khí, Trạng mạo đường đường, Dung nhan vĩ vĩ, Phương thốn lưu huy, Vạn thiện tất bị, Điện bệ nguy nga, Uy nghi chúng uý, Vĩnh điện vương cơ, Trường thủy phúc chỉ, Khâu độc cao thâm, Càn khôn bàn tế, Nhân khắc trình mân, Vĩnh lưu viên bí”.

Và: Việt tự khai tịch, Tự hữu đề phong, Nam bang mỹ lệ, Thiên phủ tráng hùng, Ấp xưng Giao Thủy, Lý mỹ Hành Cung, Hoàng hà củng bắc, Thương hải triều đông, Nam giang hạo thủy, Tây lĩnh trác phong, Hình khoa đệ nhất, Thế ái vô song, Thánh Sư thí phát, Quang nhạc khí chung, Học đạo Phật giáo, Bồ đặc tiên tung, Trạch dân đại pháp, Y quốc thần công, Thần Quang tôn hiệu, Thánh vị chính trung, Điện cấp hương hoả, Lễ vạn kính cung, Phàm cầu tất ứng, Sở nguyện giai thông, Kỷ thu tiết lịch, Nhất đán sương xung, Từ vũ tăng tập, Tự điển tôn sùng, Kim liên điệp điệp, Bảo tọa trùng trùng, Lư môn phô tử, Đường bệ liên hồng, Thời thời đoan lịch, Đại đại hiến cung, Nhẫm hữu linh ứng, Loại năng hộ tòng, Hoàng đồ củng cố, Quốc thể hưng long, Dân khang vật phụ, Thời hoà niên phong, Minh hình tán mỹ, Phúc lộc duy dung, Thiên trường địa cử, Nhật quang nguyệt dung”.

Nội dung bia cho thấy là chùa Thần Quang xưa được xây dựng ở thôn Tạo Lệ (7), Làng (Lý) Hành Cung, Hương (huyện) Giao Thủy.



Đặc biệt, tấm bia Hoàng Định thập tam niên - 1613 ở chùa Keo, ngay dòng đầu tiên, viết: **“Việt điện Nam thiên Giao ấp trị sở bắc hữu tự. Tự chi đông nam tiền Thần Quang, hậu Viên Quang”**. Câu văn bia cho ta biết rằng xưa ở phía bắc trị sở của làng (ấp) Giao Thủy có chùa. Chùa Thần Quang ở phía trước, chùa Viên Quang ở phía sau. Văn bia này do chính vị Tổ sư có bài vị thờ trang trọng ở nhà Tổ chùa Keo với hiệu là “Huệ Hữu Vạn Khánh Hưng Thiền Thiền Sư” làm bài tựa.

Tấm bia này được soạn dựng ngay dịp dựng lại chùa Keo sau khi chùa Thần Quang gốc ở Làng Hành Cung Huyện Giao Thủy bị lũ lụt trôi mất vào năm 1611. Lúc này Làng Hành Cung (Hành Thiện bây giờ) vẫn mang nguyên tên làng cũ khi nó còn chưa bị trôi lụt mất khi trước (ở chỗ gần Cống Khâm - Từ Quán hiện nay). **Điều đặc biệt quan trọng, là tấm bia này chỉ rõ, xưa hai ngôi chùa “quốc tự” (chùa cấp Nhà nước) Viên Quang và Thần Quang nằm rất gần nhau: chùa Thần Quang ở phía trước, chùa Viên Quang ở phía sau, chùa Viên Quang gần... mép nước sông Hồng hơn.**

Tóm lại, Ta có bức tranh xưa về vị trí tọa lạc ban đầu của hai ngôi chùa Diên Phúc - Viên Quang và Nghiêm Quang - Thần Quang từ thời Lý là:

* Ở Vạn Giao Thủy thuộc Hương Giao Thủy, Phủ Hải Thanh - Thiên Thanh - Thiên Trường.

* Hai ngôi chùa ở rất gần nhau, đều quay hướng Tây, dựa lưng vào sông Hồng, Chùa Nghiêm Quang - Thần Quang ở phía trước, Chùa Diên Phúc - Viên Quang ở phía sau, gần mép nước sông Hồng hơn.

* Vạn Giao Thủy (Làng chài) thuộc Hương (huyện) Giao Thủy nằm ở phía đông của thôn Từ Quán, xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định ngày nay. Toạ độ của khoảnh đất đó giờ nằm đâu đó ở bên đối ngạn qua sông Hồng với khu vực Cống Khâm - Từ Quán - Tân Thịnh hiện nay, thuộc địa phận của huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, cách vị trí hiện tại của chùa Keo Thái Bình và chùa Keo Hành Thiện không quá 5 km theo đường chim bay.

+ Vị trí xây dựng ban đầu, “lộ trình” lở bồi vùng đất Vạn Giao Thủy, dẫn đến việc thiên di của hai ngôi chùa (Viên Quang và Thần Quang) như sau (xem trên bản đồ số 03 kèm theo).

+ Khi xây dựng vào thời nhà Lý, thế kỷ 11, có hai chùa Diên Phúc - Viên Quang và Nghiêm Quang - Thần Quang ở các vị trí (tương đối) như trên bản đồ. Khi đó ta tạm gọi là chùa Viên Quang 1 và Thần Quang 1. Trong khoảng thời gian cuối thời Lý, thời Trần - Hồ và Lê sơ, dân cư tụ tập đến ở vùng doi đất có chùa Viên

Quang đã khá đông đúc, hình thành nên một làng là làng (xã) Hộ Xá thuộc Hương (huyện) Giao Thủy. Bên cạnh đó, dân tụ tập ở vệt đất có chùa Thần Quang chính là Hành Cung Trang - Xã Hành Cung cũng thuộc Hương (huyện) Giao Thủy. Hai xã Hộ Xá và Hành Cung chính là được hình thành nên xuất phát điểm từ hai ngôi chùa cổ với tư cách như là trung tâm tín ngưỡng, quy tụ tinh thần của cộng đồng cư dân. Từ Viên Quang mà có Hộ Xá, và từ Thần Quang mà có Hành Cung.

+ Đầu tiên, do gần mép nước hơn, khi bãi đất Vạn Giao Thủy lở vào cuối thế kỷ 16, đầu thế kỷ 17, với tiềm lực đất ruộng “tự có” rất lớn, cộng thêm việc tài trợ, tiến cúng của các vương công quý tộc triều Lê, với sự chủ trì công việc của Thiền sư Cần Định tự Duệ Mẫn, chùa Viên Quang được di dời vào sát bờ đê chính của hữu ngạn sông Hồng (đông đê), trên bãi đất Bát Dương thuộc thôn Từ Quán - Xã Tân Thịnh ngày nay. Sau công cuộc đó, ta có chùa Viên Quang 2. Khi đó, chùa Thần Quang vẫn còn nằm cách xa mép nước, chưa bị trôi lụt và cũng chưa được di dời.

+ Nạn lụt “đại hồng thủy” năm Tân Hợi - 1611, làng Hành Cung sạt lở, chùa Thần Quang trôi mất. Dân Hành Cung chạy lụt xuống cư trú ở vùng đất Hành Cung - Dũng Nhuệ bây giờ (nay là phần đất thôn Hành Thiện, thôn Dũng Trí của xã Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định và thôn Dũng Nhuệ bên tả ngạn sông Hồng thuộc địa phận huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình ngày nay, cũng như khoảng đất chỗ “mom Rô” và lòng sông Ninh Cơ bên dưới Mom Rô. Cái thôn Dũng Nhuệ xưa, chỉ cách cái doi đất hình con cá chép - thôn Hành Thiện một con lạch nhỏ và cánh đồng hẹp. Bản thân mảnh đất thôn Dũng Nhuệ lại bị chia tách bởi nhiều lạch nước mà sau đó nó bị phá cửa thành sông lớn tách ra làm hai khoảng đất ở cách nhau rất xa qua sông Hồng, sông Ninh Cơ (8). Thành thử phần lớn thôn Dũng Nhuệ (cư dân và đất đai vốn cũng thuộc làng Hành Cung cũ) bị tách rời với thôn Hành Cung (Hành Thiện) và gián cách bởi dòng đại hà - sông Hồng, dù khoảng cách tính theo đường chim bay chỉ là khoảng 1 km. “Ngày đường = Gang nước” là vậy.

Sau này qua một vài trăm năm nữa, dân Hành Cung xưa cư trú ở vệt bãi đất hình con cá chép hình thành nên một làng - xã Hành Cung - Hành Thiện. Còn dân Hành Cung xưa cư trú ở bãi đất phía tây bắc hình thành nên một làng - xã Dũng Nhuệ - xã Duy Nhất. Cho đến đầu thế kỷ 21, vẫn còn một bộ phận dân cư và một khoảng đất nhỏ của Dũng Nhuệ xưa nằm ở hữu ngạn sông Hồng, gần sát với mảnh đất hình con cá chép. Đó là thôn Dũng Trí (một mảnh làng Dũng Nhuệ xưa không bị lở bồi sang bên tả ngạn sông Hồng).

Xem vị trí của thôn Dũng Trí (có cả một ngôi chùa nhỏ xây dựng cách nay vài thế kỷ nữa) trên bản đồ kèm theo (bản đồ số 5).



Sau khi đã tạm ổn định nơi ở, 2 năm sau trận lụt lịch sử, năm 1613 - Hoàng Định thập tam niên - Quý Sửu, dân Hành Cung bắt tay vào xây dựng ngôi chùa **Thần Quang 2A** trên mảnh đất gần “đuôi con cá chép” - làng Hành Cung, trên cơ sở tiền của, hoa lợi đất đai thuộc sở hữu của chùa và tiến cúng công đức của hàng trăm các vị quan lại, vương công quý tộc đương thời. Chủ trì công trình này có lẽ là vị Thiền sư - Hòa thượng - Pháp sư - Thầy Cúng Huệ Hữu, người viết lời tựa trên tấm bia “Tu Tạo Hành Cung Trang Thần Quang Tự Bi Ký” và cũng là người có bài vị thờ trong cung thờ Tổ Sư hậu chùa Thần Quang (Ảnh số 06 kèm theo).

Nguyên văn chữ Hán trên bài vị:

嗣聖南天竺國西方祖鄉正大和尚謚惠有字宝真萬慶興禪禪師

Phiên âm: **“Tự Thánh Nam Thiên Trúc Quốc Tây Phương Tổ Hương Chính Đại Hoà Thượng thụy Huệ Hữu tự Bảo Chân Vạn Khánh Hưng Thiền Thiền Sư”**.

Gần 20 năm sau, dân Hành Cung - Dũng Nhuệ, với sự tài trợ, tín thí chủ yếu của các vị vương công quý tộc triều Lê - Trịnh, đã xây dựng nên ngôi chùa **Thần Quang 2B** trên vùng đất mình đang cư trú là thôn Dũng Nhuệ - Hành Cung với quy mô rất lớn, kiến trúc cầu kỳ, kiên cố. Đó chính là ngôi chùa Keo Thái Bình vẫn còn giữ được cơ bản hình hài ban đầu cho đến ngày nay.

Cần nói rõ thêm điều này: Vào đầu thế kỷ 17 khi lụt lội lở làng trôi chùa, phần đất mà nay thuộc huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình vẫn thuộc về Phủ Thiên Trường, Trấn Sơn Nam, nằm trong cùng một phủ (Thiên Trường), huyện (Giao Thủy) với

phần đất có làng Hành Thiện - Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định bây giờ. Mà nghĩa của chữ “Giao Thủy = 膠水” có nghĩa là KEO, nên mới xuất hiện hai từ nôm na để gọi tên hai ngôi chùa Thần Quang 2A, Thần Quang 2B là Keo dưới và Keo trên.

+ Vào giữa thế kỷ 18, sông Hồng tiếp tục xói lở ở vùng các xã phía đông, bắc của Hương Giao Thủy. Bãi đất xứ Bát Dương ở thôn Từ Quán (sau là xã Hộ Xá, huyện Giao Thủy) bị xói lở rất nhiều, dân làng Hộ Xá đã phải di chuyển chạy lụt sang phía đối ngạn sông Hồng, cư trú lập nên làng Thái Nghĩa với 3 cụm dân cư (canh cư tương tập) lớn giáp giới với các làng Văn Lang ở phía bắc, Phan Xá ở phía nam. Đến thời Lê Cảnh Hưng (1740 - 1786) nhà nước lại cắt vùng đất Lộc Cơ - Rộc Cả ở phía nam xã Lạc Quần, nay là xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định để dân Hộ Xá có đất để “di dân, di tự” (chuyển dân, chuyển chùa). Dân đã di cư được một phần, nhưng mãi đến giữa thế kỷ 19, dưới triều Vua Tự Đức, năm 1866, trước sức ép dữ dội của một loạt mùa lũ lớn những năm thập kỷ 1850 - 1860, được sự ủng hộ hết lòng của Tiến sĩ Lê Khắc Cẩn - Tri phủ Xuân Trường, dân làng Hộ Xá - Nghĩa Xá mới di dời chùa Viên Quang về vị trí hiện nay. Có thể gọi đó là chùa Viên Quang 3. (Hay là “Viên Quang Lộc Cơ (III)”, sau “Viên Quang Vạn Giao Thủy (I)”, “Viên Quang Bát Dương (II)”. Việc này tôi đã khảo viết kỹ trong bài viết đã dẫn ở trên (“Chùa Viên Quang... thiên di ký”).



Trận lụt năm Mậu tý (1588) đặc biệt trận lụt năm Tân hợi (1611) dân phải dời đi và mang theo tên chùa, mang theo vị Thánh tiên sang vùng đất mới (Con dâu cha mẹ đấy) vì vậy nay có chùa Keo Hành Thiện Nam Định và chùa Keo Thái Bình cũng thờ Thánh Không Lộ. Sau này dân Hành Cung đã xây dựng lại chùa Nghiêm Quang trên đất chùa cũ ở Tân Long, Trung Đông, Trực Ninh, Nam Định. Nơi đây mới là nguồn gốc chùa Nghiêm Quang cổ.

“Hiện vị” và “tiền vị” của chùa Thần Quang, Viên Quang được tôi xác định “áng chừng”, “tương đối” trên bản đồ kèm theo (bản đồ số 03). Bản đồ giả thuyết số 04 là vẽ dòng sông Hồng ở vào thời Lý - Trần, bãi sông Giao Thủy chưa bị lở, chùa Viên Quang, Thần Quang vẫn còn yên vị.

Từ tất cả những điều luận giải và khảo xét trên, có thể khẳng định rằng: Chùa Viên Quang - Thần Quang thời Lý được xây dựng ở vùng đất gần Từ Quán - Cống Khâm thuộc xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định ngày nay, không phải là ở chỗ Chùa Quýt - Xã Trung Đông - Huyện Trực Ninh như các nhà nghiên cứu đã kết luận trong sách “Quốc Sư Minh Không - Qua di sản Đền Thánh Nguyễn”, trên tài khoản Facebook “Đạo Hiệu Tâm Hiệp” hay trên website “<https://espc.com.vn/su-hoi-sinh-cua-mot-ngoi-chua-co-chua-quyt-nd77919.html>”. Vạn Giao Thủy, Hành Cung Trang không bao giờ ở chỗ xã Trực Tuấn - Trung Đông - Trực Ninh bây giờ, mà ở mãi trên chỗ Từ Quán - Cống Khâm - Tân Thịnh - Nam Trực, cách đó về phía bắc gần chục km.

Tôi viết bài này chỉ để mong hiểu đúng về lai lịch cổ tích danh lam, không để lịch sử trôi qua những trang sách hoặc ở trên FB mà dẫn đến những nhận định xa rời sự thực lịch sử vốn đã rất rõ ràng.

Tác giả: **Đỗ Hữu Trác**

Chú thích:

(1). Bài viết này khi viết “Chùa Keo” mà không có thêm chữ “Hành Thiện” hay “Dũng Nhuệ” (hay “Thái Bình”), thì tức là nói về chùa Thần Quang - Keo Hành Thiện (Làng Hành Thiện - Xã Xuân Hồng - Huyện Xuân Trường - Tỉnh Nam Định).

(2). Hành Cung (行宮), sau đổi thành Hành Thiện (行善) dưới thời Vua Minh Mạng. Hành Cung sau này không còn ở toạ độ như Hành Cung xưa, nhưng tên làng Hành Cung (Trang Hành Cung) thì không thay đổi, trước sau vẫn là Hành Cung (行宮) bởi dân ta có nếp: khi di cư vẫn mang theo tên làng cũ (cựu quán = 舊館) để đặt cho làng mới (tân hương = 新鄉).

(3). Dũng Nhuệ (勇銳), còn gọi là Dũng Nghĩa (勇義).

(4). Đó là chưa kể còn có kết luận là: “Họ Đặng khi ở vùng Hành Cung là họ Trần. Biến cuộc thời thế, khi di cư về đất mới, không biết thế nào lại đổi thành họ Đặng, chính là dòng họ nổi tiếng khoa bảng ở Hành Thiện” và về sách Hành Thiện Xã Chí thì: “Trang 1, ở “Lá thư đọc giả”, ta biết, cuốn HTXC được viết ra, mục đích đầu tiên là phổ biến tiểu sử đức Thánh Tổ đến toàn thể người đồng

hương. Trang thứ 2, chúng tôi trích ở đây là bài bạt của cụ Đặng Xuân Bảng viết về tiểu sử Thánh Không Lộ. Trang thứ 3, nói về lai lịch Xã Hành Thiện. Phần lai lịch này cũng do cụ Bảng viết”.

Vài chục năm qua, những ai quan tâm tìm hiểu về lịch sử chùa Keo, làng Hành Thiện có lẽ ít nhiều đều đã được tiếp cận với sách Hành Thiện Xã Chí do Hội Hành Thiện Tương Tế xuất bản năm 1974 ở Sài Gòn. Và chắc chắn là những bài (mà tác giả “Đạo Hiệu Tâm Hiệp” gọi là “trang” ở trên hoàn toàn không phải là do cụ Tiến sĩ Đặng Xuân Bảng (1828 - 1910) viết. Một số nội dung của những bài viết đó (Lai lịch xã Hành Thiện, Bài bạt về việc khảo cứu Sự Tích Đức Thánh Tổ)... là do con trai thứ 4 của cụ Đặng Xuân Bảng là cụ Đặng Xuân Viện (1880 - 1958) (bố đẻ cố Tổng Bí Thư Trường Chinh - Đặng Xuân Khu) và cụ Nguyễn Văn Bản soạn năm 1933 - Quý Dậu, có dịch và sử dụng một số tác phẩm khảo cứu của cụ Đặng Xuân Bảng. Đọc cẩn thận bản sách xuất bản ở Sài Gòn năm 1974, người đọc sẽ thấy được rằng đó nguyên là bản thảo của các tác giả, nó chưa được chính thức in ấn, xuất bản ở Việt Nam trước năm 1974. Sau khi Hoà bình lập lại năm 1954, một số người quê làng Hành Thiện di cư vào Nam có mang theo bản “đánh máy”, chép tác phẩm của cụ Đặng Xuân Viện và cụ Nguyễn Văn Bản, rồi được ai đó “bổ” thêm rất nhiều trước khi Hội Hành Thiện tương tế ở Sài Gòn cho xuất bản. Đọc, có đối chiếu bản sách này với bản thảo viết tay sách “Hành Thiện Xã Chí” hiện còn lưu ở Thư viện Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội, chẳng cần nghiên cứu sâu xa gì, chúng ta cũng có thể thấy rất rõ điều đó.

(5). Chúng ta cùng xem chi tiết về ngôi chùa Nghiêm Quang (xa xưa) - Quýt (nay) theo “phát hiện” và nhận định của tác giả. (Link : <https://espc.com.vn/su-hoi-sinh-cua-mot-ngoi-chua-co-chua-quyt-nd77919.html>)

(ảnh số X1)

Chùa Nghiêm Quang xưa nơi Thánh Không Lộ xây dựng ngôi chùa đầu tiên của đời mình. Trải qua nhiều biến cố thăng trầm ngôi chùa được tôn tạo trên đất cũ Vua ban trên Cánh đồng Ròng thuộc tổng Yên Lãng xưa, nay thuộc thôn Tân Long, xã Trung Đông, Trực Ninh, Nam Định.

(ảnh số X2)

Trận lụt năm Mậu Tý (1588) đặc biệt trận lụt năm Tân Hợi (1611) dân phải dời đi và mang theo tên chùa, mang theo vị Thánh tiên sang vùng đất mới (Con dâu cha mẹ đấy) vì vậy nay có chùa Keo Hành Thiện Nam Định và chùa Keo Thái Bình cũng thờ Thánh Không Lộ. Sau này dân Hành Cung đã xây dựng lại chùa Nghiêm Quang trên đất chùa cũ ở Tân Long, Trung Đông, Trực Ninh, Nam Định. **Nơi đây mới là nguồn gốc chùa Nghiêm Quang cổ.**

(6). Xin xem bài viết theo đường link sau đây:
https://www.facebook.com/permalink.php?story_fbid=2680777098905581&id=10000

(7). Thôn “Tạo Lệ = 皂隸” là chỉ cái thôn có ngôi chùa tọa lạc, dân thôn đó có trách nhiệm phục dịch, cung phụng, thờ cúng, tu bổ, coi sóc bảo quản và....hưởng lộc chùa. Chùa Thần Quang, Viên Quang xưa là chùa “Nhà nước”, do Vua bỏ tiền ra xây dựng để các “quốc sư” tu hành, trụ trì. Chùa được Nhà vua cất cho đất ruộng để phát canh thu hoa lợi làm dầu đèn hương oản cúng Phật và tu bổ sửa sang chùa, cất hộ dân để phục dịch việc nhà chùa. Ví dụ: ở làng Trà Lũ cách chùa Thần Quang chừng 6 km, từ xa xưa đã giữ một khoảnh ruộng chùa Thần Quang. Việc đó được ghi trong sách Trà Lũ Xả Chí của Cử nhân Lê Văn Nhưng, khắc in năm 191: “Cho đến năm Minh Mạng 10 mới bắt đầu có địa bạ chính thức. Theo bạ này, ruộng công xã ta có 805 mẫu, ruộng chùa, đền xã ta và ruộng dầu nhang hương oản chùa Thần Quang (chùa Thần Quang ở xã Dũng Nghĩa, thờ Không Lộ Thiền Sư, thời trước các xã trong huyện ta đều giành ruộng để hàng năm đóng góp tiền dầu nhang hương oản cho chùa) là 55 mẫu hai sào. Đất làm nhà ở, vườn, ao toàn xã : 880 mẫu 5 sào. “ (Sách Trà Lũ Xả Chí, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2019, Đỗ Hữu Trác dịch)”.

(8) Phần đất thôn Dũng Nhuệ - Hành Cung xưa cư trú là gồm nhiều bãi nổi ven và giữa ngã ba sông Hồng - Ninh Cơ. Dòng chảy chuyển dời di dịch, bãi đất , con bờ lở bồi thay hình đổi dạng liên miên nên mảng đất dân chính của thôn Dũng Nhuệ - Hành Cung bị... lạc sang tả ngạn sông Hồng, mối liên hệ “cùng xã, cùng làng” với phần làng còn lại (ở mảnh đất ổn định hơn hình con cá chép) bị xa cách dần rồi thậm chí là lỏng lẻo, nhạt nhẽo đi. Bờ Sông Hồng, Sông Ninh Cơ chỗ thôn Dũng Trí hiện vẫn còn lở khoét vào sâu hoắm, trong khi bên đối ngạn Dũng Nhuệ - Duy Nhất - Bông Tiên thì bồi ra rất nhiều. Chính vì chuyện lở bồi, chia tách dân làng như thế mà dẫn đến việc hình thành về sau này 2 ngôi chùa Thần Quang với những giai thoại, dư luận rất không vui trong dân gian cả về chùa, về sư và Thánh Tổ.